

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Số: 4200 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Thái Nguyên, ngày 31 tháng 12 năm 2020*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thành phố Sông Công,  
tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ các Luật: Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Quy hoạch năm 2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến quy hoạch năm 2018; Luật Xây dựng năm 2014; Luật Đầu tư công năm 2019; Luật Đầu tư năm 2014; Luật Nhà ở năm 2014; Luật Đất đai năm 2013; Luật quy hoạch đô thị năm 2009;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về Quản lý đầu tư phát triển đô thị;*

*Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012 - 2020;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BXD ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt Chương trình phát triển đô thị;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Bộ Xây dựng - Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;*

*Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua Đề án đề nghị công nhận thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên là đô thị loại II;*

*Căn cứ Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Thái Nguyên đến năm 2035;*

*Căn cứ Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt Đề cương và Dự toán chương trình phát triển đô thị thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 4109/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2035;*

*Căn cứ Quyết định số 2059/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt đề án Quy hoạch chung thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2040;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3341/TTr-SXD ngày 08 tháng 12 năm 2020 kèm theo Báo cáo thẩm định số 312/BC-SXD ngày 19 tháng 02 năm 2020; Văn bản số 3580/SXD-PTĐT&HTKT ngày 30 tháng 12 năm 2020.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với các nội dung chủ yếu sau:

### **1. Quan điểm và mục tiêu phát triển đô thị**

a) Quan điểm:

- Phát triển thành phố Sông Công tuân thủ định hướng quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, quy hoạch chung xây dựng thành phố Sông Công được duyệt; phù hợp với các Chương trình phát triển đô thị quốc gia và Chương trình phát triển đô thị của tỉnh.

- Tích hợp các yêu cầu về phát triển đô thị thông minh bền vững, phát triển xanh, tiết kiệm năng lượng, ứng phó với biến đổi khí hậu, đồng thời phối hợp lồng ghép có hiệu quả với các chương trình, kế hoạch, dự án đã và đang thực hiện trên địa bàn.

- Phát triển đô thị đi đôi với xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, nâng cao chất lượng đô thị và đảm bảo an sinh xã hội.

- Huy động nguồn lực và phát huy sức mạnh tổng hợp của cộng đồng xã hội tham gia vào công tác phát triển đô thị. Phát triển đô thị tạo ra nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội. Phát huy thế mạnh của khoa học công nghệ trong nghiên cứu ứng dụng phục vụ quản lý và phát triển đô thị.

b) Mục tiêu:

- Cụ thể hóa Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012-2020; Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2018 - 2020 định hướng đến năm 2035 và các chương trình, kế hoạch khác có liên quan đã được phê duyệt nhằm phát huy tối đa hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

- Từng bước đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kinh tế, kỹ thuật và hạ tầng xã hội trên địa bàn thành phố kết nối các khu vực phát triển đô thị hoàn chỉnh, thúc đẩy sự phát triển của đô thị theo từng giai đoạn phát triển trên cơ sở định hướng Quy hoạch chung thành phố Sông Công và các quy hoạch ngành đã được phê duyệt.

- Nâng cao chất lượng đô thị, kết hợp quản lý quy hoạch đô thị gắn với phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

- Huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng phát triển đô thị, đảm bảo nâng cao chất lượng, diện mạo kiến trúc cảnh quan đô thị theo hướng hiện đại, văn minh, bền vững và giữ gìn những giá trị, bản sắc văn hóa của đô thị.

- Phát triển đô thị đạt các chỉ tiêu cho từng giai đoạn 5 năm tới năm 2030, trong đó phân đấu thành phố Sông Công được công nhận là đô thị loại II vào cuối năm 2020.

## 2. Các chỉ tiêu chính về phát triển đô thị theo các giai đoạn

### a) Chỉ tiêu về đô thị hóa:

Thành phố Sông Công có 10 đơn vị hành chính, trong đó có 07 phường và 03 xã. Đến năm 2019, dân số toàn đô thị là 202.081 người, trong đó dân số khu vực nội thành là 154.133 người, khu vực ngoại thành là 47.948 người (*theo dân số quy đổi*). Tỷ lệ đô thị hóa năm 2019 đạt 75,98%. Phân đấu đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa thành phố Sông Công đạt 80%.

b) Các chỉ tiêu về chất lượng đô thị theo Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực trạng năm 2019	Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030
1	Diện tích sàn nhà ở bình quân	m <sup>2</sup> /người	23	25	28	31
2	Tỷ lệ nhà kiên cố	%	92,5	94	98	100
3	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị	%	29,3	30,2	35	40
4	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng	%	20,25	21	22	23
5	Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	100	100	100	100
6	Tiêu chuẩn cấp nước	lít/người/ngày đêm	121,7	122	124,5	126
7	Tỷ lệ thoát nước, thoát nước sạch	%	20	18	15	12
8	Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước so với diện tích lưu vực thoát nước	%	82,25	83	85	90
9	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được	%	27,50	60	65	70

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực trạng năm 2019	Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030
	thu gom và xử lý					
10	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt, khu công nghiệp được thu gom và xử lý	%	92,6	93	94	95
11	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom và xử lý	%	95,5	100	100	100
12	Tỷ lệ chất thải y tế được thu gom và xử lý	%	100	100	100	100
13	Tỷ lệ chiếu sáng đường chính	%	97,67	100	100	100
14	Tỷ lệ chiếu sáng khu dân cư, ngõ xóm	%	92	100	100	100
15	Tỷ lệ đất cây xanh toàn đô thị	m <sup>2</sup> /người	10,8	11,5	12	12,5
16	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị	m <sup>2</sup> /người	5,4	6	7,5	8,5

c) Một số tiêu chuẩn cần khắc phục so với tiêu chí đô thị loại II:

- 06 tiêu chuẩn chưa đạt cần tập trung nguồn lực để đầu tư khắc phục: (1) cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị; (2) diện tích sàn nhà ở bình quân; (3) chỉ tiêu đất dân dụng; (4) mật độ đường giao thông; (5) tỷ lệ nước thải sinh hoạt của đô thị được xử lý; (6) nhà tang lễ.

- 12 tiêu chuẩn đã đạt nhưng còn ở ngưỡng trung bình và dưới mức trung bình, bao gồm: (1) vị trí, chức năng, vai trò; (2) dân số toàn đô thị; (3) dân số khu vực nội thị; (4) đất xây dựng công trình công cộng cấp đơn vị ở; (5) công trình văn hóa cấp đô thị; (6) cấp điện sinh hoạt; (7) tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng; (8) tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt nội thị; (9) tỷ lệ các khu vực ngập úng có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng; (10) đất cây xanh công cộng khu vực nội thị; (11) công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị; (12) số lượng không gian công cộng của đô thị.

### 3. Danh mục và lộ trình đầu tư các khu vực phát triển đô thị

STT	Tên khu vực	Vị trí	Chức năng	Quy mô (ha)	Giai đoạn thực hiện (x)	
					2020-2025	2026-2030

STT	Tên khu vực	Vị trí	Chức năng	Quy mô (ha)	Giai đoạn thực hiện (x)	
					2020-2025	2026-2030
1	Khu vực 1	Các phường: Thắng Lợi, Mỏ Chè, Bách Quang, Cải Đan	Khu đô thị trung tâm với các chức năng hành chính - chính trị, văn hóa thể thao, dịch vụ	942,53	x	x
2	Khu vực 2	Các phường: Cải Đan, Phố Cò	Khu đô thị cửa ngõ phía Nam thành phố Sông Công	754	x	x
3	Khu vực 3	Các phường: Bách Quang, Cải Đan, Lương Sơn	Khu đô thị phía Đông thành phố Sông Công	909	x	x
4	Khu vực 4	Phường Lương Sơn, xã Tân Quang	Khu đô thị sinh thái nghỉ dưỡng, trung tâm mua sắm, nghỉ ngơi thư giãn và khai thác dịch vụ vui chơi giải trí bên sông	1.382,20		x
5	Khu vực 5	Phường Bách Quang, xã Tân Quang, xã Bá Xuyên	Khu đô thị dịch vụ công nghiệp, tiện ích	1.647,73	x	x
6	Khu vực 6	Phường Châu Sơn, các xã: Bá Xuyên, Bình Sơn	Khu đô thị sinh thái kết hợp với phát triển nông nghiệp công nghệ cao	1.011,40	x	x
7	Khu vực 7	Phường Châu Sơn, các xã: Bá Xuyên, Bình Sơn	Khu dân cư kết hợp với phát triển nông nghiệp sinh thái	1.131,89		x
8	Khu vực 8	Xã Bình Sơn	Khu dân cư kết hợp phát triển nông nghiệp công nghệ cao, du lịch sinh thái hồ Ghềnh Chè	2.058,32	x	x

#### 4. Danh mục các dự án theo từng giai đoạn (hạ tầng khung và công trình đầu mối)

a) Danh mục dự án theo từng giai đoạn:

STT	Dự án	Giai đoạn thực hiện (x)	
		2020-2025	2025-2030
<b>I</b>	<b>Đề án, quy hoạch, chương trình</b>		
-	Lập Đề án công nhận thành phố Sông Công là đô thị loại II	x	
-	Lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu đô thị, khu chức năng	x	
-	Lập đề án thành lập phường Bá Xuyên và phường Tân Quang theo định hướng quy hoạch chung	x	
<b>II</b>	<b>Hệ thống hạ tầng xã hội</b>		
<b>1</b>	<b>Y tế</b>		
-	Nâng cấp, cải tạo các trạm y tế phường	x	x
<b>2</b>	<b>Giáo dục</b>		
-	Cải tạo, nâng cấp, xây mới các trường mầm non đạt chuẩn quốc tế	x	
-	Cải tạo, nâng cấp các trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia	x	
-	Cải tạo, nâng cấp các trường tiểu học và THCS trên địa bàn	x	
-	Xây mới trường THPT ( <i>đáp ứng quy mô dân số theo giai đoạn</i> )		x
-	Xây mới trường THCS ( <i>đáp ứng quy mô dân số theo giai đoạn</i> )		x
-	Xây mới trường tiểu học ( <i>đáp ứng quy mô dân số theo giai đoạn</i> )		x
-	Xây mới trường mầm non ( <i>đáp ứng quy mô dân số theo giai đoạn</i> )		x
<b>3</b>	<b>Văn hóa, du lịch, thể dục thể thao, cây xanh</b>		
-	Xây dựng công viên trung tâm thành phố	x	
-	Dự án đầu tư khu đô thị nghỉ dưỡng tại khu vực hồ Ghềnh Chè, xã Bình Sơn	x	
-	Xây dựng điểm thể dục thể thao phường, xã	x	
-	Nâng cấp, mở rộng Quảng trường 01-7	x	
-	Xây dựng công viên, vườn hoa		x

STT	Dự án	Giai đoạn thực hiện (x)	
		2020-2025	2025-2030
-	Trung tâm đa năng		x
<b>4</b>	<b>Thương mại, dịch vụ</b>		
-	Trung tâm thương mại Phố Cò	x	
-	Khu sinh thái nghỉ dưỡng phường Phố Cò	x	
<b>5</b>	<b>Trụ sở làm việc</b>		
-	Cải tạo trụ sở làm việc các cơ quan	x	
<b>III</b>	<b>Hệ thống hạ tầng kỹ thuật</b>		
<b>1</b>	<b>Giao thông</b>		
-	Xây dựng đường Thăng lợi kéo dài (GĐ II)	x	
-	Đường 30/4 thành phố Sông Công đoạn từ khu đô thị Hồng Vũ đến đường Thống Nhất	x	
-	Đường Cách mạng Tháng 10, thành phố Sông Công	x	
-	Đường đô thị dọc sông Công	x	
-	Đường 262 mới theo quy hoạch	x	
-	Xây dựng mới bến xe trung tâm ( <i>xe khách, xe bus</i> )	x	
-	Tuyến đường Trần Phú	x	
-	Cải tạo, xây dựng một số tuyến đường giao thông chính		x
-	Cải tạo, xây dựng một số tuyến đường giao thông liên khu vực		x
-	Cải tạo, xây dựng một số tuyến đường giao thông chính khu vực		x
-	Nâng cấp vỉa hè đường Cách mạng Tháng 8, thành phố Sông Công		x
-	Xây dựng đường du lịch Sông Công - Núi Cốc ( <i>từ đường Lê Hồng Phong đến hết địa phận xã Bình Sơn</i> )		x
-	Đường vành đai Khu công nghiệp Sông Công II		x

STT	Dự án	Giai đoạn thực hiện (x)	
		2020-2025	2025-2030
<b>2</b>	<b>Cấp nước</b>		
-	Hệ thống đường ống truyền dẫn chính	x	x
-	Nâng cấp, cải tạo, xây mới hệ thống đường ống phân phối chính	x	x
-	Nâng công suất nhà máy nước Sông Công lên 30.000 m <sup>3</sup> /ngđ		x
<b>3</b>	<b>Cấp điện, thông tin liên lạc</b>		
-	Xây dựng mới trạm biến áp 110kV (MVA)	x	x
-	Xây dựng mới các trạm điện 22/0,4 kV	x	x
-	Xây mới lưới điện 22 kV đi ngầm	x	x
-	Hạ ngầm và xây dựng mới hạ thế lưới điện 0,4 kV tại một số tuyến phố chính	x	x
-	Xây dựng các trạm chuyển mạch		x
-	Xây dựng hạ tầng mạng truyền dẫn phát sóng số		x
<b>4</b>	<b>Thoát nước, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang</b>		
-	Xây dựng hệ thống thoát nước mưa	x	x
-	Xây dựng mạng lưới thoát nước thải	x	x
-	Xây dựng trạm xử lý nước thải tại phường Phố Cò công suất khoảng 33.000 m <sup>3</sup> /ngđ ( <i>giai đoạn I: 10.000 m<sup>3</sup>/ngđ</i> )	x	
-	Nâng cấp trạm xử lý nước thải tại phường Phố Cò lên công suất khoảng 20.000 m <sup>3</sup> /ngđ		x
<b>5</b>	<b>Hạ tầng kỹ thuật các khu đô thị, khu dân cư</b>		
-	Khu dân cư số 2, phường Mỏ Chè	x	
-	Khu dân cư số 1, phường Phố Cò	x	
-	Khu đô thị Cầu Trúc, phường Bách Quang	x	

STT	Dự án	Giai đoạn thực hiện (x)	
		2020-2025	2025-2030
-	Khu đô thị dọc Sông Công	x	
-	Khu đô thị Thăng Lợi	x	
-	Khu nhà ở Bách Quang, phường Bách Quang	x	
-	Khu đô thị chức năng đầu cầu cứng Sông Công	x	
-	Khu dân cư Bách Quang	x	
-	Khu dân cư Thống Nhất	x	
-	Khu đô thị dịch vụ số 1 xã Tân Quang ( <i>Khu A</i> )	x	
-	Khu đô thị dịch vụ số 1 xã Tân Quang ( <i>Khu B</i> )	x	
-	Điểm dân cư nông thôn Tân Quang	x	
-	Khu đô thị và dịch vụ tiện ích Khu công nghiệp Sông Công II ( <i>Khu A- Lương Sơn</i> )	x	
-	Khu đô thị Bá Xuyên	x	
-	Khu đô thị đường 30/4 ( <i>đoạn phía đường Thăng Lợi</i> ), thành phố Sông Công	x	
-	Khu đô thị Khuynh Thạch, phường Cải Đan, thành phố Sông Công	x	
-	Khu đô thị số 1, đường Lê Hồng Phong, thành phố Sông Công	x	
-	Khu đô thị số 2, phường Bách Quang, thành phố Sông Công	x	
-	Khu đô thị số 1 Bá Xuyên	x	
-	Khu đô thị số 2 phường Phố Cò	x	
-	Khu đô thị số 1 phường Bách Quang	x	
-	Khu dân cư đường Thăng Lợi kéo dài	x	
-	Khu dân cư số 1, phường Bách Quang, thành phố Sông Công	x	
-	Khu dân cư xã Bá Xuyên	x	

STT	Dự án	Giai đoạn thực hiện (x)	
		2020-2025	2025-2030
-	Khu dân cư đường Vũ Xuân, phường Châu Sơn	x	
-	Khu dân cư Tổ dân phố 2B, phường Phố Cò	x	
-	Khu đô thị quốc lộ 37, phường Lương Sơn, thành phố Sông Công		x
-	Khu đô thị Tân Sơn		x
-	Khu đô thị đường Trần Phú		x
-	Khu đô thị số 1, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công		x
-	Khu đô thị, thể thao, du lịch và dịch vụ phụ trợ tại phường Châu Sơn, thành phố Sông Công		x
-	Khu đô thị và dịch vụ tiện ích Khu công nghiệp Sông Công II ( <i>Khu B - Lương Sơn, Tân Quang, Bách Quang</i> )		x
-	Khu chức năng hai bên tuyến đường du lịch Sông Công - Núi Cốc ( <i>địa phận Sông Công</i> )		x
-	Khu đô thị hoàn vốn đường vành đai công nghiệp Sông Công II		x
<b>6</b>	<b>Hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp</b>		
-	Cụm công nghiệp Nguyên Gon	x	
-	Khu công nghiệp Sông Công I ( <i>phần còn lại</i> )	x	
-	Khu công nghiệp Sông Công II ( <i>phần còn lại</i> )	x	
-	Cụm công nghiệp Bá Xuyên		x
-	Cụm công nghiệp dịch vụ Lương Sơn		x
<b>7</b>	<b>Nông nghiệp</b>		
-	Đầu tư xây dựng xưởng sản xuất phân bón hữu cơ Việt Mỹ	x	

(Chi tiết về quy mô, kinh phí các hạng mục đầu tư theo hồ sơ kèm theo)

b) Dự án hạ tầng khung ưu tiên đến năm 2030:

STT	Dự án	Giai đoạn thực hiện (x)	
		2020-2025	2026-2030

STT	Dự án	Giai đoạn thực hiện (x)	
		2020-2025	2026-2030
1	Xây dựng đường Thăng lợi kéo dài (GĐ II)	x	
2	Đường 30/4 thành phố Sông Công đoạn từ Khu đô thị Hồng Vũ đến đường Thống Nhất	x	
3	Đường Cách mạng Tháng 10, thành phố Sông Công	x	
4	Đường đô thị dọc Sông Công	x	
5	Đường 262 mới theo quy hoạch	x	
6	Xây dựng mới bến xe trung tâm ( <i>xe khách, xe bus</i> )	x	
7	Xây dựng trạm xử lý nước thải tại phường Phố Cò công suất 33.000 m <sup>3</sup> /ngđ ( <i>Giai đoạn I: 10.000 m<sup>3</sup>/ngđ</i> )	x	
8	Xây dựng hệ thống thoát nước mưa	x	
9	Xây dựng mạng lưới thoát nước thải	x	
10	Hệ thống đường ống truyền dẫn chính	x	
11	Nâng cấp, cải tạo, xây mới hệ thống đường ống phân phối chính	x	
12	Cải tạo, xây dựng một số tuyến đường giao thông chính		x
13	Cải tạo, xây dựng một số tuyến đường giao thông liên khu vực		x
14	Cải tạo, xây dựng một số tuyến đường giao thông chính khu vực		x
15	Nâng cấp vỉa hè đường Cách mạng Tháng 8, thành phố Sông Công		x
16	Xây dựng đường du lịch Sông Công - Núi Cốc ( <i>từ đường Lê Hồng Phong đến hết địa phận xã Bình Sơn</i> )		x
17	Đường vành đai Khu công nghiệp Sông Công II		x
18	Nâng cấp trạm xử lý nước thải tại phường Phố Cò lên công suất khoảng 20.000 m <sup>3</sup> /ngđ		x
19	Xây dựng mạng lưới thoát nước thải		x
20	Xây dựng hệ thống thoát nước mưa		x

STT	Dự án	Giai đoạn thực hiện (x)	
		2020-2025	2026-2030
21	Nâng công suất nhà máy nước Sông Công lên 30.000 m <sup>3</sup> /ngđ		x
22	Nâng cấp, cải tạo, xây mới hệ thống đường ống phân phối chính		x
23	Xây mới hệ thống đường ống truyền dẫn chính		x

## 5. Nguồn lực thực hiện

### a) Nhu cầu vốn:

Nhu cầu vốn đầu tư của Chương trình phát triển đô thị thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 cần khoảng 15.368,18 tỷ đồng, trong đó:

- Giai đoạn 2020 - 2025 là 8.537,25 tỷ (*chiếm 55,55%*);
- Giai đoạn 2026 - 2030 là 6.830,93 tỷ đồng (*chiếm 44,45%*), cụ thể:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Danh mục	Giai đoạn		Tổng vốn
		2020-2025	2026-2030	
1	Đề án, quy hoạch, chương trình	15,00	0,00	15,00
2	Hệ thống hạ tầng xã hội	1.437,22	475,70	1.912,92
3	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật	7.085,03	6.355,23	13.440,26
	<b>Tổng cộng</b>	<b>8.537,25</b>	<b>6.830,93</b>	<b>15.368,18</b>

- Cơ cấu nguồn vốn Chương trình phát triển đô thị thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Danh mục	Kinh phí thực hiện	Nguồn vốn		
			Ngân sách thành phố	Doanh nghiệp, xã hội hóa, vốn vay	Vốn ODA, hỗ trợ phát triển
<b>A</b>	<b>Tổng thể chương trình</b>	<b>15.368,18</b>	<b>1.231,04</b>	<b>13.156,73</b>	<b>980,41</b>
<b>I</b>	<b>Đề án, quy hoạch, chương trình</b>	<b>15,00</b>	<b>15,00</b>		
1	Giai đoạn 2020 - 2025	15,00	15,00		
2	Giai đoạn 2026 - 2030				

<b>II</b>	<b>Hệ thống hạ tầng xã hội</b>	<b>1.912,92</b>	<b>446,70</b>	<b>1.347,22</b>	<b>119,00</b>
1	Giai đoạn 2020 - 2025	1.437,22	241,00	1.077,22	119,00
2	Giai đoạn 2026 - 2030	475,70	205,70	270,00	0,00
<b>III</b>	<b>Hệ thống hạ tầng kỹ thuật</b>	<b>13.440,26</b>	<b>769,34</b>	<b>11.809,51</b>	<b>861,41</b>
1	Giai đoạn 2020 - 2025	7.085,03	330,08	6.554,95	200,00
2	Giai đoạn 2026 - 2030	6.355,23	439,26	5.254,56	661,41
<b>B</b>	<b>Cơ cấu vốn (100%)</b>	<b>100,00</b>	<b>8,01</b>	<b>85,61</b>	<b>6,38</b>

b) Nguồn lực thực hiện:

- Ưu tiên sử dụng nguồn ngân sách thành phố, đồng thời tranh thủ tối đa các nguồn vốn của tỉnh, nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, chương trình mục tiêu quốc gia, vốn tín dụng ưu đãi đầu tư, vốn nhân rồi của Kho bạc Nhà nước. Huy động tối đa nguồn thu cho ngân sách từ việc đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu sự án có sử dụng đất để tạo vốn đầu tư xây dựng các dự án hạ tầng thiết yếu.

- Tạo nguồn lực phát triển đô thị bằng cơ chế, chính sách thu hút đầu tư hấp dẫn; đẩy mạnh đầu tư theo hình thức xã hội hóa, vốn doanh nghiệp, vốn vay, vốn ODA hỗ trợ phát triển cho các dự án phát triển thương mại, du lịch, dịch vụ, các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao, các khu đô thị mới, khu nhà ở mới.

#### **6. Đề xuất khu vực phát triển đô thị ưu tiên đầu tư giai đoạn đầu**

- Khu vực 1: Cải tạo chỉnh trang khu đô thị trung tâm với các chức năng hành chính - chính trị, văn hóa thể thao, dịch vụ trên cơ sở đã có các công trình hiện hữu như: Trụ sở Thành ủy, HĐND, UBND thành phố, trung tâm văn hóa, khu thể thao, Trường cao đẳng nghề Việt Đức và các khu dân cư hiện có, đã hình thành ổn định, chỉnh trang theo hướng xanh, hiện đại, tiết kiệm năng lượng.

- Khu vực 3: Xây dựng khu đô thị và các khu, cụm công nghiệp phía Đông thành phố Sông Công với lợi thế rất lớn để hình thành và phát triển các chức năng dịch vụ, thương mại, giáo dục, đào tạo.

- Khu vực 5: Đẩy mạnh đầu tư xây Khu đô thị dịch vụ công nghiệp, tiện ích làm động lực phát triển cho thành phố bao gồm: Khu công nghiệp Sông Công II; Cụm công nghiệp Bá Xuyên; Khu đô thị tiện ích với định hướng xây dựng và phát triển công nghiệp công nghệ cao, sạch, an toàn không ảnh hưởng đến môi trường và các dịch vụ tiện ích kèm theo, khu nhà ở xã hội phục vụ khu công nghiệp.

## **7. Tổ chức thực hiện**

a) UBND thành phố Sông Công: Tổ chức thực hiện Chương trình theo lộ trình; xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết hằng năm để tổ chức thực hiện; báo cáo tiến độ thực hiện theo định kỳ hằng năm về Sở Xây dựng và UBND tỉnh. Lồng ghép các nội dung của Chương trình phát triển đô thị đã được phê duyệt vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm trên địa bàn, đặc biệt là các chỉ tiêu phát triển đô thị.

b) Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các sở, ngành chức năng của tỉnh hướng dẫn UBND thành phố Sông Công thực hiện các quy hoạch, chương trình phát triển đô thị và lập đề án đề nghị phân loại đô thị; kiểm tra giám sát việc thực hiện chương trình; tổng hợp tình hình thực hiện và định kỳ báo cáo UBND tỉnh. Trên cơ sở đó, kiến nghị điều chỉnh, bổ sung kịp thời các nội dung của Chương trình phát triển đô thị cho phù hợp với thực tiễn.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, tham mưu UBND tỉnh tổng hợp, bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển hằng năm và các nguồn vốn lồng ghép từ chương trình, dự án đầu tư để thực hiện chương trình phát triển đô thị thành phố Sông Công.

d) Sở Giao thông vận tải phối hợp với Sở Xây dựng trong công tác quy hoạch và phát triển kết cấu hạ tầng giao thông (*quốc lộ, tỉnh lộ*) trên địa bàn thành phố.

e) Các Sở: Tài chính; Tài nguyên và Môi trường; Công Thương; Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các sở, ban, ngành liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ tham mưu cho UBND tỉnh, đồng thời hướng dẫn UBND thành phố Sông Công trong các lĩnh vực quản lý nhà nước đảm bảo mục tiêu đề ra của Chương trình.

**Điều 2.** Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Sông Công và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**